TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÙ LAO DUNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/DS-ST
Ngày 21-02-2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Giáp.

Bà Lê Thị Hồng Loan.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Ngọc Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Hiền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng thương mại cổ phần H1 (M); địa chỉ trụ sở: Tầng B, tòa nhà T, Số A N, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Nguyễn Công T; cư trú tại: Số A T, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 4327/2024/GUQ-TGD912 ngày 29/5/2024 của Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần H1, có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Lâm Hữu H, sinh năm: 1986; cư trú tại: Ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 02 tháng 12 năm 2022 của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần H1 (sau đây gọi là Ngân hàng), bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Nguyễn Công T trình bày:

Ngày 12/02/2018, ông Lâm Hữu H ký hợp đồng cho vay số 00070/2018/HĐCV với Ngân hàng thương mại cổ phần H1 - Chi nhánh C để vay tiền. Cùng ngày Ngân hàng đã giải ngân cho ông H vay số tiền 210.000.000 đồng, thời hạn vay: 60 tháng, mục đích vay sửa chữa nhà ở, lãi suất cho vay áp dụng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên cho đến ngày 05/3/2018 là: 16,5%/năm [lãi suất cố định = lãi suất theo quy định hiện tại; lãi suất thả nổi = lãi suất cơ sở + biên độ (theo quy định hiện tại)]; lãi suất áp dụng đối với khoản vay của bên vay cho thời gian tiếp theo là lãi suất cho vay = lãi suất cơ sở áp dụng cho khách hàng cá nhân được công bố tại thời điểm điều chỉnh + biên độ lãi suất (lãi suất được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ số 569444/2017/KUNN ngày 12/02/2018). Hình thức trả nợ: nợ gốc trả đều hàng tháng, lãi trả hàng tháng tính tên dự nợ thực tế giảm dần.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 79.521.000 đồng, trong đó nợ gốc 42.460.717 đồng, nợ lãi 37.060.283 đồng, trong đó nợ lãi trong hạn 36.474.357 đồng, nợ lãi quá hạn 585.926 đồng. Đến 26/6/2018, ông H vi phạm hợp đồng nên phát sinh nợ quá hạn. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần tạo điều kiện nhưng ông H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Tạm tính đến ngày 21/02/2025, ông H còn nợ Ngân hàng tổng cộng 409.224.209 đồng, trong đó nợ gốc 167.539.283 đồng, nợ lãi trong hạn 179.896.000 đồng, nợ lãi quá hạn 61.788.926 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng thương mại cổ phần H1 là anh Nguyễn Công Trương giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: buộc ông Lâm Hữu H có trách nhiệm hoàn trả hết nợ gốc và lãi phát sinh tại Hợp đồng cho vay số: 00070/2018/HĐCV ngày 12/02/2018 tính đến ngày 21/02/2025 là 409.224.209 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến ngày ông H trả tất nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần H1.

- Tại phiên tòa sơ thẩm ông H vắng mặt, ông H không gửi văn bản phản hồi ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng cho Tòa án, nên không ghi nhận được ý kiến của ông H.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là có căn cứ hợp pháp, nguyên đơn đã nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: Sổ hộ khẩu có tên Lâm Hữu H (bản photo); Giấy chứng minh nhân dân tên Lâm Hữu H (bản photo); Hợp đồng cho vay số 00070/2018/HĐCV ngày 12/02/2018 tên khách hàng Lâm Hữu H

(bản sao có chứng thực); Khế ước nhận nợ tên Lâm Hữu H (bản sao có chứng thực); Bảng tính lãi tiền vay khách hàng Lâm Hữu H (bản chính).

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn hợp lệ. Bị đơn không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không ý kiến phản đối với các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã nộp. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án: kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn cư trú tại ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ pháp luật: nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ vay theo hợp đồng cho vay mà các bên đã ký và thực hiện, mục đích vay là sửa chữa nhà ở. Do đó, Hội đồng xét xử xác định là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Lâm Hữu H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do khi được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng: xét Hợp đồng cho vay số 00070/2018/HĐCV ngày 12/02/2018 được ký giữa người đại diện hợp pháp của

Ngân hàng và ông Lâm Hữu H. Tại thời điểm ký kết các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại các điều 117, 118 và 119 của Bộ luật Dân sự, nên có hiệu lực pháp luật.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả nợ vay gốc và lãi tại hợp đồng cho vay số: 00070/2018/HĐCV ngày 12/02/2018 tính đến ngày 21/02/2025 là 409.224.209 đồng, trong đó: nợ gốc 167.539.283 đồng, tiền lãi trong hạn 179.896.000 đồng, tiền lãi quá hạn: 61.788.926 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến ngày bị đơn trả dứt nợ cho Ngân hàng.

[5.1] Theo Khế ước nhận nợ tên người nhận tiền Lâm Hữu H ngày 12/02/2018 và Hợp đồng cho vay số: 00070/2018/HĐCV ngày 12/02/2018 thì xác định: trong quá trình thực hiện hợp đồng nguyên đơn đã giải ngân và bị đơn đã nhận được số tiền 210.000.000 đồng, thời hạn vay: 60 tháng, mục đích vay sửa chữa nhà ở, lãi suất cho vay áp dụng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên cho đến ngày 05/3/2018 là: 16,5%/năm [lãi suất cố định = lãi suất theo quy định hiện tại; lãi suất thả nổi = lãi suất cơ sở + biên độ (theo quy định hiện tại)]; lãi suất áp dụng đối với khoản vay của bên vay cho thời gian tiếp theo là lãi suất cho vay = lãi suất cơ sở áp dụng cho khách hàng cá nhân được công bố tại thời điểm điều chỉnh + biên độ lãi suất (lãi suất được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ số 569444/2017/KUNN ngày 12/02/2018). Sau khi vay tiền bị đơn đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 79.521.000 đồng, trong đó nợ gốc 42.460.717 đồng, nợ lãi 37.060.283 đồng, trong đó nợ lãi trong hạn 36.474.357 đồng, nợ lãi quá hạn 585.926 đồng, sau đó bị đơn không tiếp tục thanh toán nợ cho Ngân hàng.

[5.2] Do ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại điểm c Điều 12 của Hợp đồng cho vay số: 00070/2018/HĐCV ngày 12/02/2018 quy định về quyền và nghĩa vụ của khách hàng: "Trả đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ gốc, lãi, phí, các khoản phạt và các khoản phải trả khác phát sinh liên quan đến hợp đồng này. Trường hợp khách hàng không trả được bất kỳ khoản nợ nào cho MSB, thì toàn bộ dư nợ tín dụng của khách hàng theo hợp đồng này và các hợp đồng tín dụng khác (nếu có) sẽ tự động chuyển nhóm nợ (quá hạn) theo quy định về phân loại nợ của MSB". Nên việc Ngân hàng yêu cầu ông H trả hết nợ gốc và lãi 409.224.209 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi bị đơn trả dứt nợ cho Ngân hàng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và khoản 2 Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N, quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước

ngoài đối với khách hàng và khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023, về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông H phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 118 và Điều 119 Bộ luật Dân sự; Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; khoản 1 Điều 1 Thông tư số 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần H1.

1. Buộc ông Lâm Hữu H trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần H1 tiền vay gốc và lãi 409.224.209 (bốn trăm lẻ chín triệu, hai trăm hai mươi bốn nghìn, hai trăm lẻ chín) đồng, trong đó: nợ gốc 167.539.283 (một trăm sáu mươi bảy triệu, năm trăm ba mươi chín nghìn, hai trăm tám mươi ba) đồng, tiền lãi trong hạn: 179.896.000 (một trăm bảy mươi chín triệu, tám trăm chín mươi sáu nghìn) đồng, tiền lãi quá hạn: 61.788.926 (sáu mươi mốt triệu, bảy trăm tám mươi tám nghìn, chín trăm hai mươi sáu) đồng.

Kể từ ngày 22/02/2025 ông H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần H1 thì lãi suất mà ông H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần H1 cũng sẽ được

điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần H1.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lâm Hữu H phải nộp 20.368.968 (hai mươi triệu, ba trăm sáu mười tám nghìn, chín trăm sáu mươi tám) đồng; Ngân hàng thương mại cổ phần H1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần H1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.488.000 (bảy triệu, bốn trăm tám mươi tám nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004503 ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

3. Quyền kháng cáo bản án: nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Ngoan